THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH LỚP 3 VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

Đào Thị Huyền Thương
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Email: thuong.dth@theolympiaschools.edu.vn

Tóm tắt: *Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đánh giá môn Toán ở tiểu học cần chú trọng khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Nghiên cứu phân tích cơ sở lý luận và thực trạng đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3. Dựa trên PISA 2022 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nghiên cứu xác định bốn thành tố của năng lực: nhận biết vấn đề; đề xuất cách giải quyết; thực hiện và trình bày giải pháp; kiểm tra giải pháp. Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đã quan tâm phát triển năng lực này nhưng việc đánh giá còn thiên về kết quả cuối cùng, chưa chú trọng đầy đủ quá trình giải quyết vấn đề. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống công cụ gồm ma trận, nhiệm vụ đánh giá, rubric, phiếu quan sát và phiếu tự đánh giá nhằm hỗ trợ đánh giá toàn diện năng lực giải quyết vấn đề Toán học của học sinh lớp 3.*

Từ khóa*: năng lực giải quyết vấn đề Toán học; đánh giá năng lực; chủ đề Số và phép tính; Toán lớp 3; công cụ đánh giá.*

CURRENT SITUATION OF ASSESSING MATHEMATICAL PROBLEM-SOLVING ABILITY IN TEACHING NUMBERS AND ARITHMETIC IN GRADE 3 AND ORIENTATIONS FOR DEVELOPING ASSESSMENT TOOLS

Abstract: *In the context of implementing the 2018 General Education Curriculum, the assessment of mathematics at the primary level needs to emphasize the ability to apply knowledge to problem-solving. This study analyzes the theoretical basis and current state of assessing mathematical problem-solving competence within the "Numbers and Operations" topic for Grade 3. Drawing on the PISA 2022 framework and the 2018 General Education Curriculum, the study identifies four components of this competence: problem recognition; proposing solutions; implementing and presenting solutions; and verifying solutions. Survey results indicate that while teachers are attentive to developing this competence, assessment practices tend to prioritize final outcomes over the problem-solving process itself. Consequently, the article proposes a comprehensive assessment toolkit—comprising a matrix, assessment tasks, rubrics, observation sheets, and self-assessment forms—to support the evaluation of mathematical problem-solving competence among Grade 3 students.*

Keywords: *mathematical problem-solving competence; competency-based assessment; Numbers and Operations; Grade 3 mathematics; assessment tools.*

Nhận bài: 20/06/2026 Phản biện: 20/07/2026 Duyệt đăng: 23/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 định hướng phát triển năng lực toán học, trong đó năng lực giải quyết vấn đề giữ vai trò quan trọng. Theo định hướng này, kiểm tra, đánh giá môn Toán không chỉ nhằm xác định mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng của học sinh (HS) mà còn cần phản ánh khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các nhiệm vụ toán học và tình huống thực tiễn.

Năng lực giải quyết vấn đề Toán học được thể hiện qua khả năng nhận diện vấn đề, lựa chọn và thực hiện giải pháp, đánh giá kết quả.

Trong chương trình Toán lớp 3, chủ đề Số và phép tính giữ vai trò nền tảng, bao gồm các nội dung về số tự nhiên, phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia, biểu thức số và các bài toán thực tiễn liên quan đến phép tính. Đây là nội dung có nhiều cơ hội để học sinh vận dụng kiến thức toán học, lựa chọn cách thức giải quyết và kiểm tra tính hợp lí của kết quả.

Tuy nhiên, thực tế dạy học cho thấy việc kiểm tra, đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong chủ đề này vẫn còn một số hạn chế. Hoạt động đánh giá của giáo viên (GV) thường tập trung vào mức độ hoàn thành phép tính và kết quả bài làm, trong khi các biểu hiện như nhận biết vấn đề, lựa chọn chiến lược giải quyết, giải thích cách làm và kiểm tra giải pháp chưa được quan tâm đầy đủ. Bên cạnh đó, giáo viên còn gặp khó khăn trong việc xây dựng tiêu chí và công cụ để nhận diện mức độ biểu hiện năng lực của HS.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và những khó khăn trong thực tiễn dạy học, việc đề xuất công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3 là cần thiết. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đề xuất định hướng xây dựng công cụ đánh giá nhằm hỗ trợ GV thu thập minh chứng đầy đủ hơn về quá trình giải quyết vấn đề của HS.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học Toán ở tiểu học

Theo Chương trình GDPT 2018, năng lực giải quyết vấn đề Toán học là một thành phần quan trọng của năng lực toán học, thể hiện qua khả năng nhận diện vấn đề, lựa chọn và thực hiện giải pháp, đồng thời kiểm tra, đánh giá kết quả. Theo định hướng PISA 2022, quá trình này gồm ba hoạt động chính: hình thành vấn đề, vận dụng kiến thức toán học và diễn giải, đánh giá kết quả.

Trong nghiên cứu này, năng lực giải quyết vấn đề Toán học của HS lớp 3 được tiếp cận qua khả năng vận dụng kiến thức Số và phép tính để nhận biết, giải quyết và kiểm tra tính hợp lí của kết quả.

2.2. Cấu trúc năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong chủ đề Số và phép tính lớp 3

Chủ đề Số và phép tính gồm số tự nhiên, các phép tính, biểu thức số và bài toán thực tiễn, tạo nhiều cơ hội phát triển năng lực giải quyết vấn đề. Nghiên cứu xác định 4 thành tố:

Nhận biết vấn đề và nêu câu hỏi: Xác định thông tin đã biết, cần tìm và yêu cầu của bài toán.

Nêu cách thức giải quyết: Lựa chọn phép tính, phương pháp hoặc chiến lược phù hợp.

Thực hiện và trình bày cách giải: Thực hiện các bước giải và trình bày bằng lời, phép tính, sơ đồ hoặc hình thức phù hợp.

Kiểm tra giải pháp: Đối chiếu kết quả với yêu cầu và đánh giá tính hợp lí của lời giải.

Dựa trên bốn thành tố trên, nghiên cứu cụ thể hóa các biểu hiện và mức độ phát triển năng lực như sau:

Năng lực thành phần	Biểu hiện cụ thể của học sinh lớp 3	Các mức độ của biểu hiện		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
1. Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.	HS đọc hiểu tình huống toán học; xác định được thông tin đã biết, thông tin cần tìm; nhận ra yêu cầu của nhiệm vụ và diễn đạt được vấn đề cần giải quyết bằng câu hỏi hoặc yêu cầu toán học.	HS nhận biết được một số thông tin trong bài toán khi có sự hướng dẫn; xác định được yêu cầu đơn giản nhưng chưa đầy đủ hoặc còn phụ thuộc vào gợi ý của GV.	HS xác định được các dữ kiện quan trọng, nhận biết được vấn đề cần giải quyết và diễn đạt được câu hỏi toán học phù hợp với tình huống.	HS phân tích được tình huống, lựa chọn được những thông tin cần thiết, nhận biết được mối quan hệ giữa các dữ kiện và diễn đạt rõ ràng vấn đề cần giải quy
2. Nêu được cách thức giải quyết vấn đề.	HS lựa chọn được phép tính, phương pháp hoặc chiến lược phù hợp để giải quyết nhiệm vụ toán học dựa trên kiến thức đã học.	HS nhận biết được phép tính hoặc cách giải khi có hướng dẫn; chưa giải thích được vì sao lựa chọn cách làm đó.	HS lựa chọn được phép tính, phương pháp giải phù hợp với yêu cầu của bài toán và bước đầu giải thích được cách lựa chọn.	HS đề xuất được cách giải phù hợp, có thể lựa chọn giữa các phương án khác nhau và giải thích được vì sao cách giải đó hiệu quả.
3. Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.	HS thực hiện các phép tính, các bước giải theo kế hoạch; trình bày được quá trình giải quyết bằng lời, phép tính, sơ đồ hoặc hình thức phù hợp.	HS thực hiện được các thao tác tính toán cơ bản theo hướng dẫn nhưng còn có thể mắc lỗi trong quá trình giải quyết; cách trình bày chưa đầy đủ.	HS thực hiện đúng các bước giải, tính toán chính xác và trình bày được lời giải hoặc cách làm rõ ràng, hợp l	HS thực hiện linh hoạt các bước giải, biết điều chỉnh cách làm khi gặp khó khăn; trình bày được quá trình giải quyết một cách logic, dễ hiểu.

4. Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.	HS biết xem xét lại quá trình giải quyết, đối chiếu kết quả với yêu cầu bài toán và đánh giá tính hợp lí của lời giải.	HS kiểm tra kết quả khi có yêu cầu hoặc hướng dẫn; chủ yếu đối chiếu đáp án mà chưa biết giải thích.	HS biết sử dụng phép tính ngược, ước lượng hoặc đối chiếu với dữ kiện ban đầu để kiểm tra kết quả.	HS chủ động kiểm tra, giải thích được tính hợp lí của kết quả, phát hiện sai sót và đề xuất cách điều chỉnh hoặc cách giải khác.

Bảng 1 cho thấy năng lực giải quyết vấn đề Toán học của HS lớp 3 được xem xét không chỉ thông qua khả năng thực hiện phép tính mà còn thông qua toàn bộ quá trình giải quyết nhiệm vụ, từ nhận biết vấn đề, lựa chọn cách thức giải quyết, thực hiện và trình bày giải pháp đến kiểm tra kết quả. Ba mức độ biểu hiện được xây dựng theo hướng phát triển từ khả năng thực hiện nhiệm vụ khi có hỗ trợ đến khả năng giải quyết độc lập, linh hoạt và biết đánh giá, điều chỉnh giải pháp.

2.3. Thực trạng kiểm tra, đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3

2.3.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

Nhằm tìm hiểu thực trạng kiểm tra, đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3, nghiên cứu tiến hành khảo sát 93 giáo viên tiểu học. Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề: nhận thức của GV về vai trò và biểu hiện của năng lực giải quyết vấn đề Toán học; thực trạng tổ chức các hoạt động phát triển năng lực; hình thức và công cụ đánh giá đang được sử dụng; những khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của GV trong quá trình đánh giá.

Dữ liệu khảo sát được tổng hợp, phân tích theo tỉ lệ phần trăm nhằm xác định xu hướng chung trong nhận thức và thực tiễn đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học của GV trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3.

2.3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động và hình thức đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động giúp HS thực hành giải quyết vấn đề trong chủ đề Số và phép tính. Trong đó, 25 GV (26,9%) cho biết tổ chức hoạt động ở mức rất thường xuyên, 55 GV (59,1%) tổ chức thường xuyên và 13 GV (14,0%) tổ chức ở mức thỉnh thoảng.

Các nội dung trong chủ đề Số và phép tính được GV đánh giá có nhiều cơ hội phát triển năng lực giải quyết vấn đề gồm: số và cấu tạo thập phân của một số, phép cộng – phép trừ, phép nhân – phép chia, biểu thức số, phân số và các bài toán thực tế.

Về hình thức đánh giá đang được sử dụng, kết quả thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Các hình thức đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học được GV sử dụng

Hình thức đánh giá	Tỉ lệ giáo viên sử dụng
Bài kiểm tra viết	77,4%
Bài tập/phiếu bài tập trên lớp	66,7%
Phiếu tự đánh giá của học sinh	62,4%
Quan sát quá trình học tập	57,0%
Trò chơi, hoạt động trải nghiệm	50,5%

Kết quả cho thấy bài kiểm tra viết vẫn là hình thức được sử dụng phổ biến nhất. Tuy nhiên, các hình thức đánh giá quá trình như phiếu tự đánh giá, trò chơi, hoạt động trải nghiệm và quan sát cũng đã được nhiều giáo viên quan tâm.

Điều này cho thấy GV đã có xu hướng đa dạng hóa hình thức đánh giá; tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ chuyên biệt để đánh giá từng thành tố của năng lực vẫn cần được hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể hơn.

2.3.3. Thực trạng sử dụng công cụ đánh giá, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của GV

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã biết đến nhiều công cụ có thể sử dụng để đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học. Các công cụ được biết đến nhiều nhất gồm: bài tập/phiếu bài tập (83,9%), bài kiểm tra/đề kiểm tra (78,5%), phiếu tự đánh giá của HS (61,3%), rubric đánh giá năng lực (55,9%) và phiếu quan sát GV (52,7%).

Tuy nhiên, mức độ sử dụng thực tế của các công cụ có sự khác biệt. Bài tập/phiếu bài tập và bài kiểm tra vẫn là hai công cụ được sử dụng phổ biến nhất. Các công cụ đánh giá quá trình như rubric và phiếu quan sát GV được sử dụng ít hơn.

Những khó khăn GV gặp phải trong quá trình đánh giá được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Những khó khăn của GV khi đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học

Khó khăn	Tỉ lệ giáo viên lựa chọn
Khó phân loại mức độ năng lực của học sinh	54,8%
Học sinh khó trình bày cách giải	54,8%
Học sinh chưa hiểu rõ yêu cầu bài toán	51,6%
Chưa có công cụ đánh giá phù hợp	41,9%
Thời gian dành cho đánh giá còn hạn chế	33,3%

Kết quả cho thấy khó khăn lớn nhất của GV tập trung vào việc nhận diện mức độ biểu hiện năng lực và đánh giá quá trình giải quyết vấn đề của HS. Điều này cho thấy GV cần có hệ thống tiêu chí rõ ràng và công cụ hỗ trợ phù hợp để đánh giá năng lực một cách hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, nhu cầu hỗ trợ của GV là rất cao. Có 92/93 GV (98,9%) cho biết sẵn sàng tham gia tập huấn sử dụng bộ công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề. Các ý kiến đề xuất tập trung vào việc xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể, thiết kế nhiệm vụ đánh giá phù hợp và hướng dẫn sử dụng rubric, phiếu quan sát trong thực tế dạy học.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy GV đã có nhận thức tích cực về vai trò của năng lực giải quyết vấn đề Toán học và bước đầu sử dụng nhiều hình thức đánh giá khác nhau. Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ hơn năng lực của HS, cần tiếp tục phát triển các công cụ đánh giá hướng tới việc thu thập minh chứng về toàn bộ quá trình giải quyết vấn đề, không chỉ kết quả cuối cùng.

2.4. Định hướng xây dựng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong dạy học chủ đề Số và phép tính lớp 3

2.4.1. Cơ sở đề xuất định hướng xây dựng công cụ đánh giá

Kết quả khảo sát cho thấy GV nhận thức được vai trò của năng lực giải quyết vấn đề Toán học, nhưng còn gặp khó khăn trong xác định mức độ biểu hiện, tiêu chí và minh chứng đánh giá. Do năng lực này được thể hiện qua cả quá trình nhận biết vấn đề, lựa chọn và thực hiện giải pháp, kiểm tra kết quả, công cụ đánh giá cần phản ánh đầy đủ các thành tố và phù hợp với HS lớp 3. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống công cụ gồm ma trận, nhiệm vụ đánh giá, rubric, phiếu quan sát và phiếu tự đánh giá.

2.4.2. Nguyên tắc xây dựng công cụ đánh giá

*** Đảm bảo đánh giá đúng cấu trúc năng lực giải quyết vấn đề Toán học**

Công cụ đánh giá cần dựa trên bốn thành tố: nhận biết và nêu vấn đề; đề xuất cách giải quyết; thực hiện và trình bày cách giải quyết; kiểm tra giải pháp. Mỗi thành tố được cụ thể hóa thành các tiêu chí quan sát được, giúp GV xác định mức độ biểu hiện năng lực của HS.

*** Đảm bảo phù hợp với nội dung Số và phép tính lớp 3**

Công cụ cần gắn với các nội dung về số tự nhiên, phép tính, biểu thức số và bài toán thực tế. Nhiệm vụ đánh giá không chỉ yêu cầu tính toán mà cần tạo cơ hội để HS phân tích tình huống, lựa chọn cách giải và giải thích cách làm.

*** Đảm bảo đánh giá cả quá trình và kết quả giải quyết vấn đề**

Công cụ cần thu thập minh chứng ở các giai đoạn: nhận biết vấn đề – đề xuất cách giải quyết – thực hiện giải pháp – kiểm tra kết quả. Qua đó, GV đánh giá được cả cách thức HS giải quyết vấn đề và kết quả cuối cùng, phản ánh đầy đủ hơn mức độ phát triển năng lực.

2.4.3. Cấu trúc công cụ đánh giá đề xuất

*** Ma trận đánh giá năng lực**

Ma trận đánh giá là cơ sở định hướng việc lựa chọn nội dung và thiết kế nhiệm vụ đánh giá. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa: nội dung toán học; thành tố năng lực; mức độ biểu hiện; yêu cầu đánh giá.

Ví dụ:

Nội dung đánh giá	Thành tố năng lực	Biểu hiện cần đánh giá
Bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ	Nhận biết vấn đề	Xác định dữ kiện và yêu cầu của bài toán
Bài toán liên quan đến phép nhân, phép chia	Nêu cách thức giải quyết	Lựa chọn phép tính phù hợp
Giải toán có lời văn	Thực hiện giải pháp	Trình bày được các bước giải
Tất cả nội dung	Kiểm tra giải pháp	Đánh giá tính hợp lí của kết quả

Ma trận giúp đảm bảo các nhiệm vụ đánh giá không chỉ tập trung vào khả năng tính toán mà phản ánh đầy đủ các thành tố của năng lực.

Trên cơ sở khung năng lực và các mức độ biểu hiện đã xác định, việc xây dựng công cụ đánh giá cần được cụ thể hóa theo từng nội dung toán học. Ví dụ dưới đây minh họa cách thiết kế tiêu chí đánh giá thông qua một bài toán thực tế thuộc nội dung phép nhân và phép chia lớp 3.

Ví dụ: Lớp 3A thu gom được 24 kg giấy tái chế. Lớp 3B thu gom được số giấy gấp 3 lần lớp 3A. Sau khi phân loại, một nửa số giấy lớp 3B đạt yêu cầu tái chế.

Hãy tính số giấy đạt yêu cầu tái chế và giải thích cách em lựa chọn phép tính.

Ví dụ cho thấy cùng một nhiệm vụ toán học, GV có thể thu thập minh chứng về nhiều biểu hiện khác nhau của năng lực giải quyết vấn đề, không chỉ thông qua kết quả tính toán mà còn qua cách HS phân tích tình huống, lựa chọn chiến lược, trình bày và kiểm tra giải pháp. Các mức độ biểu hiện được mô tả theo hướng tăng dần về mức độ độc lập, khả năng giải thích và khả năng đánh giá, điều chỉnh cách giải.

2.4.4. Nhiệm vụ đánh giá năng lực

Nhiệm vụ đánh giá cần được thiết kế dưới dạng tình huống toán học có ý nghĩa, trong đó HS phải huy động kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.

Một nhiệm vụ đánh giá năng lực cần bao gồm: tình huống xuất phát; thông tin đã cho; yêu cầu cần giải quyết; yêu cầu giải thích hoặc kiểm tra kết quả.

Thông qua nhiệm vụ, GV có thể thu thập minh chứng về: cách HS hiểu vấn đề; cách lựa chọn phương án; quá trình thực hiện; khả năng đánh giá kết quả.

*** Rubric đánh giá năng lực**

Rubric là công cụ giúp mô tả rõ các mức độ biểu hiện năng lực của HS. Rubric được xây dựng dựa trên bốn thành tố năng lực và ba mức độ phát triển:

Rubric giúp chuyển quá trình đánh giá từ nhận xét chung sang mô tả cụ thể mức độ đạt được của HS.

*** Phiếu quan sát của GV**

Phiếu quan sát hỗ trợ GV ghi nhận những biểu hiện năng lực xuất hiện trong quá trình học tập mà bài kiểm tra viết khó phản ánh.

Các tiêu chí quan sát có thể tập trung vào: HS có xác định đúng yêu cầu nhiệm vụ; HS có lựa chọn được cách giải quyết phù hợp; HS có giải thích được cách làm; HS có kiểm tra lại kết quả.

Việc sử dụng phiếu quan sát giúp GV có thêm căn cứ đánh giá sự tiến bộ của HS trong quá trình học tập.

*** Phiếu tự đánh giá của HS**

Phiếu tự đánh giá giúp HS nhận thức về quá trình giải quyết vấn đề của bản thân, từ đó hình thành khả năng tự điều chỉnh việc học.

Một số nội dung có thể sử dụng: Em đã hiểu yêu cầu của bài toán chưa? Em đã lựa chọn cách giải phù hợp chưa? Em có thể giải thích cách làm của mình không? Em đã kiểm tra lại kết quả chưa?

Thông qua hoạt động tự đánh giá, HS không chỉ nhận biết kết quả học tập mà còn hiểu được cách thức mình đã giải quyết vấn đề.

2.5. Nhận xét về định hướng xây dựng công cụ đánh giá

Việc xây dựng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học trong chủ đề Số và phép tính lớp 3 cần được xem là một hệ thống thống nhất, trong đó mỗi thành phần công cụ có vai trò bổ trợ lẫn nhau.

Ma trận giúp định hướng nội dung đánh giá; nhiệm vụ đánh giá tạo cơ hội để HS thể hiện năng lực; rubric và phiếu quan sát hỗ trợ GV nhận diện mức độ biểu hiện; phiếu tự đánh giá giúp HS tham gia vào quá trình phản hồi và điều chỉnh việc học.

Định hướng xây dựng công cụ này không nhằm thay thế hoàn toàn các hình thức kiểm tra hiện có mà hướng tới việc bổ sung những phương thức đánh giá phù hợp hơn với yêu cầu phát triển năng lực, góp phần nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực giải quyết vấn đề Toán học của học sinh lớp 3.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thực hiện CTGDPT 2018, đánh giá môn Toán cần chú trọng khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Nghiên cứu xác định 4 thành tố của năng lực giải quyết vấn đề Toán học ở HS lớp 3 gồm: nhận biết vấn đề; đề xuất cách giải quyết; thực hiện và trình bày giải pháp; kiểm tra kết quả.

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã quan tâm phát triển năng lực này nhưng việc đánh giá vẫn chủ yếu dựa vào kết quả cuối cùng, chưa phản ánh đầy đủ quá trình tư duy của HS. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất các công cụ gồm ma trận đánh giá, nhiệm vụ đánh giá, rubric, phiếu quan sát và phiếu tự đánh giá.

Để nâng cao hiệu quả, GV cần thiết kế các nhiệm vụ có tính vấn đề và kết hợp đánh giá sản phẩm với đánh giá quá trình. Nhà trường và tổ chuyên môn cần tăng cường tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng ngân hàng nhiệm vụ và thống nhất tiêu chí đánh giá. Các nghiên cứu tiếp theo nên tiếp tục hoàn thiện và thử nghiệm bộ công cụ trong thực tiễn dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nguyễn Bá Kim. (2015). Phương pháp dạy học môn Toán. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

OECD. (2023). PISA 2022 Assessment and Analytical Framework: Mathematics, Reading, Science, Problem Solving and Financial Literacy. Paris: OECD Publishing.

Polya, G. (1973). How to Solve It: A New Aspect of Mathematical Method (2nd ed.). Princeton University Press.